

だい
第 5 課

べんり
とてもにぎやかで便利です



あなたの住んでいる町は、どんなところですか？

Khu phố bạn đang sống là nơi như thế nào?



1. この町はどうですか？

Can-do
14

住んでいる町の感想を簡単に話すことができる。

Có thể nói một cách đơn giản cảm tưởng về khu phố mình đang sống.

1 ことばの準備

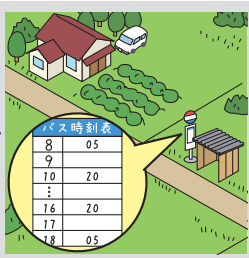
Chuẩn bị từ vựng

【どんな町？】

a. 便利(な)



b. 不便(な)



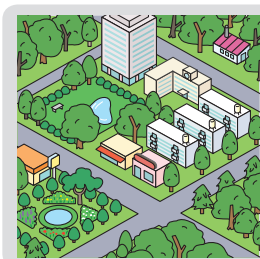
c. にぎやか(な)



d. 静か(な)



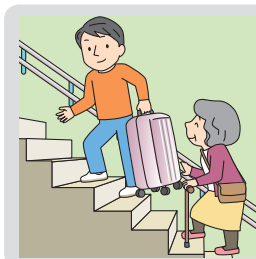
e. 緑が多い



f. 緑が少ない



g. 人がやさしい／親切(な)



h. 人が冷たい



i. 田舎



j. 都会



k. 景色がきれい(な)



第5課 とてもにぎやかで便利です

(1) 絵を見ながら聞きましょう。🔊 05-01

Hãy vừa nghe vừa nhìn tranh.

(2) 聞いて言いましょう。🔊 05-01

Hãy nghe và nhắc lại.

(3) 聞いて、a-k から選びましょう。🔊 05-02

Hãy nghe và chọn từ a-k.

2 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

▶ 今住んでいる町について、4人の人が話しています。

4 người đang nói chuyện về khu phố nơi họ đang sống.

(1) この町はどうだと言っていますか。1の a-k から選びましょう。

Khu phố này thế nào? Hãy chọn từ a-k trong phần 1.

① 🔊 05-03	② 🔊 05-04	③ 🔊 05-05	④ 🔊 05-06
、	、	、	、

(2) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。🔊 05-03 ~ 🔊 05-06

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

たし 確かに | すす 住みやすい | みせ 店

chắc chắn | dễ sống | cửa hàng, nhà hàng


 かたち ちゅうもく
形に注目

(1) ^{おんせい き}音声を聞いて、 ^かにことばを書きましょう。 05-07
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

とてもにぎやか 、^{べんり}便利です。

^{ひと みせ おお}人も店も多 、にぎやかですね。

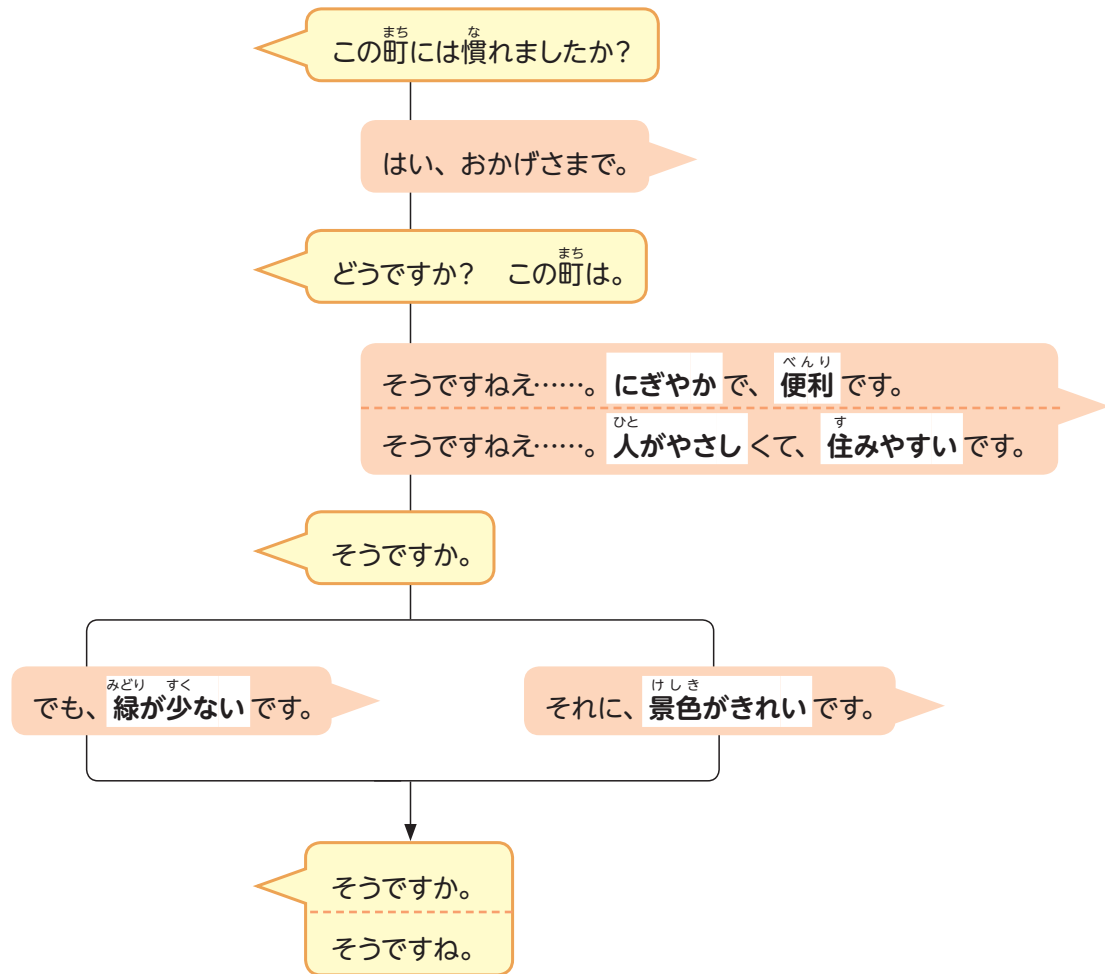
^{みどり おお}緑が多 、^{しず}静か いいですね。

^{けいようし}形容詞をつなげるとき、^{かたち つか}どんな形を使っていましたか。 → ^{ぶんぽう}文法ノート ①
 Cấu trúc nào đã được sử dụng để nối các tính từ?

(2) ^{かたち ちゅうもく}形に注目して、^{かいわ}会話をもういちど ^き聞きましょう。 05-03 ~ 05-06
 Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

3 自分の住んでいる町について話しましょう。

Hãy nói về khu phố bạn đang sống.



(1) 会話を聞きましょう。 (05-08) (05-09)

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。 (05-08) (05-09)

Hãy luyện nói đuổi.

(3) 1 のことばを使って、練習しましょう。

Hãy sử dụng từ vựng trong phần 1 để luyện tập.

(4) 自分の住んでいる町について、自由に話しましょう。

Hãy tự do nói về khu phố bạn đang sống.



2. 場所は不便だけどきれいですよ

Can-do 15

町のおすすめの場所について質問して、その答えを理解することができる。
 Có thể hỏi và hiểu câu trả lời về các địa điểm nên ghé thăm trong khu phố.

1 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

▶ 町のおすすめの場所について、4人の人が職場の人に質問しています。

4 người đang hỏi đồng nghiệp về các địa điểm nên ghé thăm trong khu phố.

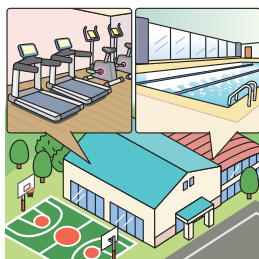
(1) おすすめの場所は、どこですか。a-d から選びましょう。

Các địa điểm nên ghé thăm ở đâu? Hãy chọn từ a-d.

a.



b.



c.



d.



	① 05-10	② 05-11	③ 05-12	④ 05-13
どこ?				

(2) もういちど聞きましょう。どんなところですか。ア-クから選びましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa. Đó là nơi như thế nào? Chọn từ ア-ク.

ア. やすい	イ. おもしろい	ウ. きれい(な)	エ. 広い
オ. 不便(な)	カ. 遠い	キ. 古い	ク. 人が多い

	① 05-10	② 05-11	③ 05-12	④ 05-13
どんなところ?	,	,	,	,

(3) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。 05-10 ~ 05-13

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

どこか だうどこ | ところ địa điểm, nơi chốn | スポーツセンター trung tâm thể thao | たてもの 建物 tòa nhà
 ショッピングモール trung tâm thương mại | 行ってみる đi thử | 場所 địa điểm, nơi chốn | ぜひ nhất định
 おすすめ gợi ý, đề xuất | 知っている (知る) biết | 休憩所 chỗ nghỉ ngơi


 かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声おんせいを聞いて、き _____ にことばかを書きましょう。🔊 05-14
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

たてもたてもの ふる かたち _____、安やすくていいわよ。

おもしろい _____、日曜日にちようびは人ひとが多いおおかな。

場所ばしょは不便ふべんだ _____、きれいきれいですよ。

ちょっと遠とおい _____、バスバスがあります。

❗ 「けど」のまえ前の文ぶんと後ろうしろの文ぶんは、どんな関係かんけいですか。➡ 文法ぶんぽうノート ②
 Câu trước và sau けど có mối quan hệ như thế nào?

❗ 「けど」のまえ前は、どんな形かたちを使つかっていましたか。➡ 文法ぶんぽうノート ②
 Cấu trúc nào đã được sử dụng trước けど?

(2) 形かたちに注目ちゅうもくして、会かい話をわもういちど聞ききましょう。🔊 05-10 ~ 🔊 05-13
 Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

(3) 自分じぶんの町まちのいろいろな場所ばしょについて、1 のア-クア-クのことばことばを使つかって言いいましょう。
 Hãy sử dụng các từ vựng ア-ク ở phần 1 để nói về các địa điểm khác nhau trong khu phố bạn đang sống.

(例) 〇〇公園こうえんは、**ひろ**いけど、**ひと**が多いおおです。



3. タウンマップ

Can-do 16

町の案内図を見て、名所やお店などについての情報を読み取ることができる。
Có thể hiểu các thông tin về địa danh nổi tiếng, cửa hàng, v.v. khi xem bản đồ hướng dẫn khu phố.

1 タウンマップを読みましょう。

Hãy đọc bản đồ khu phố.

いろは町のタウンマップを見えています。

Bạn đang xem bản đồ của khu phố Iroha.

(1) 地図を見て考えましょう。①-④は、どんなところだと思いますか。

Hãy nhìn bản đồ và suy nghĩ. Theo bạn, ①-④ là những nơi như thế nào?

いろは町タウンマップ

① もみじ庵 (もみじあん)
いろは町の名物「いろはそば」を食べることができる。安くておいしいと評判。
住所 いろは町 1-2-3
TEL 000-123-3456
営業 10:00~23:00

② 花山公園 (はなやまこうえん)
80haの公園の中には、バーベキュー場やサイクリングコースなどがある。一年中、いろいろな花を見ることができる。
住所 いろは町 4-5-6
TEL 000-123-5678
営業 9:00~16:00 (公園管理センター)

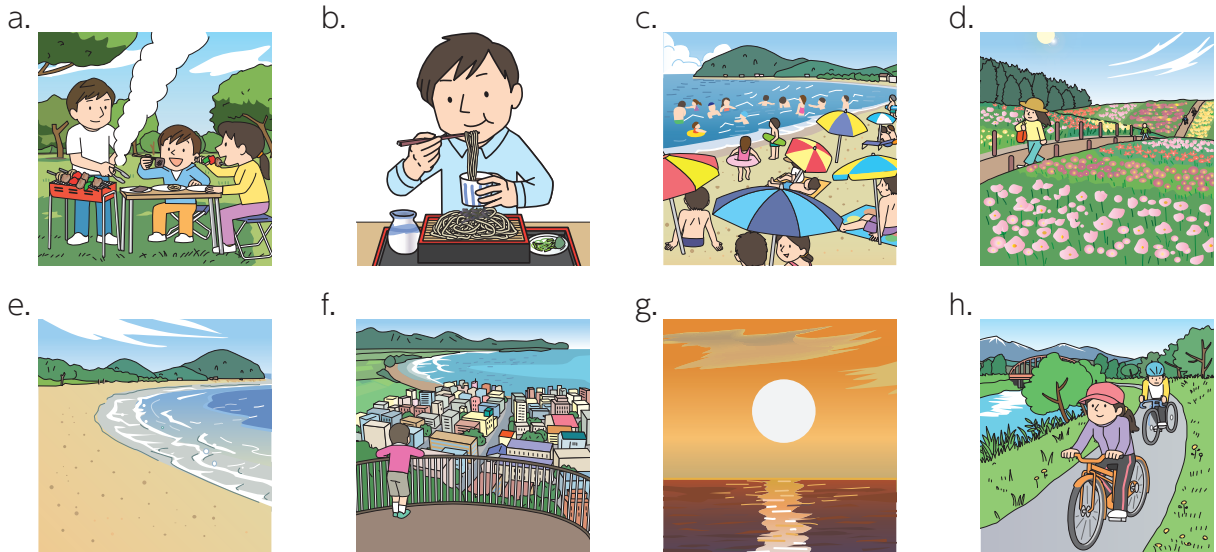
③ やしが浜 (やしがはま)
長くて美しい砂浜が有名。夏はたくさんの人が泳ぎに来る人気のビーチ。
住所 いろは町 7-8-9
TEL 000-223-3456

④ 夕日の丘展望台 (ゆうひのおかてんぼうだい)
丘の上から海と町を見渡すことができる。夕日が美しい。
住所 いろは町 1-10-2
TEL 000-223-5678

⑤ いろはカフェ
各国から厳選したコーヒー豆を焙煎したオリジナルのコーヒーを販売している。

第5課 とてもぎやかで便利です

(2) ①-④はどんな場所ですか。何ができますか。案内を読んで、a-hから選びましょう。
 ①-④ là những nơi như thế nào? Có thể làm gì ở đó? Hãy đọc hướng dẫn và chọn từ a-h.



①もみじ庵 <small>あん</small>	②花山公園 <small>はなやまこうえん</small>	③やしが浜 <small>はま</small>	④夕日の丘展望台 <small>ゆうひ おかてんぼうだい</small>
	、	、	、

大切なことば

うつく 美しい đẹp | すなはま 砂浜 bãi cát | ゆうめい 有名(な) nổi tiếng | およ 泳ぐ bơi | おか 丘 đồi | みわた 見渡す nhìn bao quát, nhìn tổng thể
 ゆうひ 夕日 hoàng hôn

かたち ちゅうもく
形に注目

_____にことばを書きましょう。
 Hãy điền từ vào chỗ trống.

「いろはそば」を食べる_____。

いちねんじゅう 一年中、いろいろな花を見る_____。

おか うえ うみ まち みわた 丘の上から海と町を見渡す_____。

! その場所のできることを言うとき、どんな形を使っていましたか。 → 文法ノート ③
 Cấu trúc nào nào đã được sử dụng khi nói về những việc có thể làm tại địa điểm đó?

ちょうかい
聴解スクリプト

1. この町はどうですか？

① 05-03

A：この町には慣れましたか？

B：はい。おかげさまで。

A：どうですか？ この町は。

B：そうですねえ……。とてもにぎやかで、便利です。

A：そうですか。

B：でも、緑がちょっと少ないですね。

A：ああ、確かに。

② 05-04

A：この町には慣れた？

B：はい。

A：どう？ この町は。

B：えっと、人がやさしくて、住みやすいです。それに、景色がきれいです。

A：それはよかった。

③ 05-05

A：どう？ この町は。

B：都会ですね。人も店も多くて、にぎやかですね。

A：そう。

B：うーん、でも、人がちょっと冷たいです。

A：そ、そう。

④ 05-06

A：この町はどうですか？

B：この町ですか？ 緑が多くて、静かです。

A：そうですね。

B：でも、バスが少なく、ちょっと不便です。

A：あー、そうですね。

2. 場所は不便だけどきれいですよ

①  05-10

A : 休みの日にどこか行きたいんですが、いいところがありますか？

B : そうね……。スポーツは好き？

A : はい。

B : じゃあ、「南スポーツセンター」とかはどう？

A : スポーツセンター？

B : 建物は古いけど、安くていいわよ。

A : そうですか。

②  05-11

A : 休みの日にどこか行きたいんですが、いいところがありますか？

B : そうだなあ。この町の人は「マリンモール」によく行くよ。

A : え、それは何ですか？

B : ショッピングモール。いろいろな店とか、レストランとか、スーパーとかが
あるところ。おもしろいけど、日曜日は人が多いかな。

A : そうですか。一度行ってみます。

③  05-12

A : 休みの日にどこか行きたいんですが、いいところがありますか？

B : そうですね……。「たちばな公園」はどうですか？

A : たちばな公園ですか？

B : ここから自転車で20分くらい。場所は不便だけど、きれいですよ。

A : へー。

B : ぜひ行ってみてください。

④  05-13

A : 休みの日^{やすひ}にどこか行きたいんですが、いいところがありますか？

B : ぼくが好きな^すのは、「ゆうゆう館^{かん}」ですね。広くておすすめ^{ひろ}です。
知^しってますか？

A : いえ、それ、何^{なん}ですか？

B : お風呂^{ふろ}ですよ。

A : えっ、お風呂^{ふろ}？

B : 食堂^{しょくどう}や休憩所^{きゅうけいじょ}もあって、1日^{いち}ゆっくりできますよ。

A : へー。

B : ちょっと遠^{とお}いけど、バスがあります。

第5課 とてもにぎやかで便利です

かん じ の こ と ば
漢 字 の こ と ば

1 よんで、意味を確認しましょう。

Hãy đọc và xác nhận nghĩa của các từ dưới đây.

まち 町	町	町	しず 静か(な)	静か	静か
みせ 店	店	店	ゆうめい 有名(な)	有名	有名
しょくどう 食堂	食堂	食堂	おお 多い	多い	多い
べんり 便利(な)	便利	便利	すく 少ない	少ない	少ない
ふべん 不便(な)	不便	不便	とお 遠い	遠い	遠い

2 _____ の漢字に注意して読みましょう。

Hãy chú ý chữ Hán có gạch chân và đọc các câu văn sau.

- ① この食堂は有名です。
- ② この町には、慣れましたか？
- ③ 店が多くて、便利なところですよ。
- ④ バスが少なくて、ちょっと不便ですよ。
- ⑤ たちは公園は、遠いけど、静かですよ。

3 上の _____ のことばを、キーボードやスマートフォンで入力しましょう。

Hãy nhập các từ có gạch chân trên đây bằng bàn phím hoặc bằng điện thoại thông minh.

ぶんぽう
文法ノート

1

Nで、～
 ナA-で、～
 イA-くて、～

この町は、とてもにぎやかで、便利べんりです。

Khu phố này rất náo nhiệt và tiện lợi.

- Đây là phương pháp nối 2 câu với nhau.
- Nếu là danh từ và tính từ đuôi ナ thì sử dụng dưới dạng ～で. Nếu là tính từ đuôi イ thì sử dụng dưới dạng ～くて.
- 2つの文をつなげる方法です。
- 名詞とナ形容詞の場合は「～で」になります。イ形容詞の場合は「～くて」になります。

[例] ▶ ここは田舎いなかで、のんびりしています。
 Đây là nông thôn và cuộc sống thong thả.

▶ この辺へんは緑みどりが多くて、静しずかです。
 Quanh đây nhiều cây xanh và yên tĩnh, thích nghi.

▶ この町まちはバスすくが少なく、ちょっと不便ふべんです。
 Khu phố này ít xe buýt và hơi bất tiện.

2

Nだ
 ナA-だ けど、～
 イA-い

たちばな公園こうえんは、場所ばしょは不便ふべんだけど、きれいですよ。

Công viên Tachibana có địa điểm bất tiện nhưng đẹp đấy.

- けど được dùng để nối 2 câu có quan hệ trái ngược nhau.
- Nếu là danh từ và tính từ đuôi ナ thì sử dụng ～だけど. Nếu là tính từ đuôi イ thì sử dụng ～いけど.
- Một về thể hiện sự đánh giá mang tính khẳng định, về còn lại thể hiện sự đánh giá mang tính phủ định.
- 対比的な関係の2つの文をつなぐとき、「けど」を使います。
- 名詞とナ形容詞の場合は「～だけど」になります。イ形容詞の場合は「～いけど」になります。
- 一方が肯定的な評価、もう一方が否定的な評価を表しています。

[例] ▶ ^{とかい}都会^{だけど}、^{みどり おお}緑^{が多い}ですね。
Là thành phố nhưng có nhiều cây xanh nhi.

▶ ^{あた しず}この^{辺り}は静^かだけど、^{ちよつと びんべん}ちょっと不便^{です}。
Vùng này yên tĩnh nhưng lại hơi bất tiện.

▶ ^{とお}ここからちょっと遠^いけど、バス^があります。
Từ đây đi hơi xa nhưng lại có xe buýt.

3

V- ることができます

^{いちねんじゅう}一年中、^{はな み}いろいろな花^{を見ることが}できます。
Bạn có thể ngắm nhiều loại hoa quanh năm.

- できます (できる) được dùng để: ① diễn tả năng lực của bản thân, ví dụ: ^{わたし にほんご}私は日本語^ができます (Tôi nói được tiếng Nhật), ② thể hiện khả năng thực hiện hành động trong một hoàn cảnh nào đó, ví dụ: ^{ふゆ}冬^はスキー^ができます (Có thể trượt tuyết vào mùa đông). Bài này đưa ra cách sử dụng ② khi giải thích về thành phố, địa điểm du lịch, v.v..

- Nếu phần N trong N^ができる là động từ thì thêm ^{こと} vào sau thể từ điển của động từ đó.

• 「できます (できる)」は、①「私は日本語ができます。」のように個人の能力を表す場合と、②「冬はスキーができます。」のよう
にある状況において可能なことを表す場合があります。ここでは、町や観光地の説明などに使う②の用法を取り上げます。

• 「N^ができる」の N の部分が動詞表現になる場合は、動詞の辞書形に「こと」をつけます。

[例] ▶ ^{みせ}この^店では、^{じもと りょうり た}地元^の料理^を食べる^{ことが}できます。
Có thể ăn các món ăn của địa phương tại nhà hàng này.

▶ ^{おか うえ}丘^{の上}から^{うみ まち みわた}海^と町^{を見渡}す^{ことが}できます。
Từ trên đồi có thể nhìn bao quát biển và khu phố.

日本の生活
TIPS

● スポーツクラブ Câu lạc bộ thể thao

Câu lạc bộ thể thao là nơi vận động, rèn luyện sức khỏe. Tùy vào cơ sở vật chất mà còn được gọi là phòng tập thể dục thể thao, câu lạc bộ thể hình, trung tâm thể thao, v.v..

Các câu lạc bộ lớn mở chi nhánh trên toàn quốc, trang bị máy tập thể hình, studio, bể bơi, v.v.. Phí hội viên hằng tháng khác nhau tùy thuộc vào ngày hay thời gian có thể sử dụng, nhưng thường vào rơi khoảng 10.000 yên. Gần đây có nhiều phòng tập chỉ chuyên với máy tập và có ít nhân viên, bù lại mở cửa hoạt động 24 giờ. Phí hội viên của những nơi này bằng khoảng một nửa các câu lạc bộ thể thao lớn. Có những địa phương có trung tâm thể thao công cộng có thể sử dụng với giá rất rẻ là vài trăm yên một lần.



スポーツクラブは運動したり体を鍛えたりするための施設です。ほかにも「スポーツジム」「フィットネスクラブ」「スポーツセンター」などの呼び方があり、施設によって違います。

全国に支店を展開する大手のスポーツクラブは、マシンジム、スタジオ、プールなどを備え、月会費は、利用できる曜日や時間によって異なりますが、だいたい 10,000 円ぐらいかかります。最近増えてきているのが、マシンジムだけに特化してスタッフ数を減らすかわりに 24 時間営業を行うジムで、大手スポーツクラブの半額程度の月会費で利用できます。自治体によっては、公営のスポーツセンターがあり、1 回数百円の非常に安い値段で利用できる場所もあります。

● ショッピングモール Trung tâm thương mại

Trung tâm thương mại là một tòa nhà lớn, trong đó có rất nhiều cửa hàng như quần áo, giày dép, cửa hàng điện tử, hiệu thuốc, siêu thị bán thực phẩm, khu ẩm thực và nhà hàng, trung tâm trò chơi, rạp chiếu phim, v.v.. Trung tâm thương mại là một trong những nơi quen thuộc có thể tận hưởng vào ngày nghỉ vì bạn có thể ở đây cả ngày để mua sắm, ăn uống, chơi trò chơi hay xem phim.

ショッピングモールは、大きな建物の中に、服や靴などのさまざまな専門店、家電量販店、ドラッグストア、食料品を売るスーパー、フードコートやレストラン、ゲームセンター、映画館などが入っている施設です。買い物や食事をしたり、ゲームや映画を楽しんだりしながら、一日中過ごすことができますので、休日に楽しめる身近な施設の 1 つとなっています。



● にゅうよくしせつ 入浴施設 Nhà tắm công cộng

Nhật Bản có rất nhiều nhà tắm công cộng, bởi suối nước nóng được sử dụng rộng rãi từ thời xa xưa. Ở các tỉnh thành địa phương, có các nhà tắm suối nước nóng có thể đi về trong ngày được vận hành bởi thành phố hay khu phố. Ở đây, bạn có thể sử dụng với mức giá vài trăm yên cho 1 lần. Ngoài phòng tắm lớn, nhiều nơi còn có khu nghỉ ngơi và ăn uống, là địa điểm để người dân đến giải trí và giao lưu.

日本では温泉が古くから広く利用されていることから、公共の入浴施設がたくさんあります。地方の都市には、市や町が運営する日帰り温泉入浴施設があり、1回数百円の料金で利用することができます。大きな風呂だけでなく、休憩所や飲食施設のあるところも多く、地元の人の娯楽、交流の場になっています。



Ngoài ra, các nhà tắm công cộng Nhật Bản còn bao gồm:

そのほか、日本で利用できる入浴施設には、以下のようなものがあります。



▶ ^{せんとう} 銭湯 Sentoo

Sentoo (còn được gọi là *ofuroyasan*) là nhà tắm công cộng có từ ngày xưa. Vốn dĩ đây là nơi dành cho những người không có bồn tắm ở nhà. Nhiều *sentoo* được trang bị đơn giản với bồn tắm và khu vệ sinh, được yêu thích bởi phí sử dụng rẻ (dưới 500 yên). So với ngày xưa, số lượng các nhà tắm này giảm đáng kể, còn số lượng các nhà tắm công cộng được trang bị đầy đủ phòng tắm ngoài trời, phòng xông hơi, bể sục, v.v. đang gia tăng. Số người "thỉnh thoảng muốn thư giãn ở nhà tắm rộng hơn so với ở nhà" cũng tăng lên khiến *sentoo* dần dần được yêu thích trở lại.

町にある「銭湯」は、「お風呂屋さん」とも呼ばれ、昔からある公共入浴施設です。もともとは、家に風呂がない人が利用していました。設備は風呂と洗い場のシンプルなものが多く、500円以下という安い料金で利用できるのが魅力です。昔と比べると、その数は非常に減ってきていますが、最近では、露天風呂やサウナやジャクジーを作って設備を充実させた銭湯も増えたり、「たまには自分の家より広い風呂でゆっくりしたい」という人も増えたりして、銭湯の人氣がまた少しずつ復活してきています。

▶ ^{けんこう} 健康ランド Kenkoo-land (spa sức khỏe)

Kenkoo-land là nơi giải trí mang tính thương mại, bao gồm nhiều loại phòng tắm lớn, bể sục, xông hơi, phòng nghỉ ngơi, phòng ngủ trưa, nhà hàng, v.v.. Phí vào cửa tương đối cao, khoảng 1.000 đến 2.000 yên/lần. Tuy nhiên, bạn có thể đi tay không đến vì có thể thuê khăn lau và trang phục mặc trong phạm vi spa. *Kenkoo-land* có ở các thành phố lớn, hoặc nằm dọc trục đường chính ở các địa phương. Vào ngày nghỉ, *kenkoo-land* náo nhiệt bởi các gia đình kéo nhau đến.

大きな複数の風呂と、ジャクジーやサウナ、休憩室、仮眠室、レストランなどがそろった商業的な娯楽施設は「健康ランド」と呼ばれています。1回1,000円～2,000円ぐらいの比較的高い入場料ですが、タオルや館内着がレンタルでき、手ぶらで行くことができます。健康ランドは都市部、または地方の幹線道路沿いなどにあり、休日は家族連れで賑わいます。

▶ ^{せんとう} スーパー銭湯 Super sentoo

Super sentoo là trung gian giữa *sentoo* và *kenkoo-land*, có trang thiết bị đơn giản hơn *kenkoo-land* nhưng chi phí tương đối rẻ. Cũng có những *super sentoo* có giá ngang với *sentoo*.

銭湯と健康ランドの中間的な施設で、健康ランドより設備がシンプルですが、比較的安く入れます。銭湯と同じ料金で入れるスーパー銭湯もあります。